

Số: 2373/QĐ-ĐHLHN

Hà Nội, ngày 29 tháng 9 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**V/v ban hành Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy
chất lượng cao ngành luật theo hệ thống tín chỉ**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 405/CP ngày 10 tháng 11 năm 1979 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Pháp lý Hà Nội (nay là Trường Đại học Luật Hà Nội);

Căn cứ Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ được ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 02 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27 tháng 12 năm 2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học;

Xét đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo và Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Chương trình đào tạo đại học hệ chính quy Chất lượng cao ngành Luật theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Luật Hà Nội.

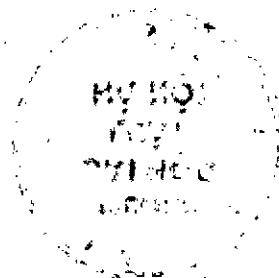
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trường Phòng Đào tạo, Trường các khoa, bộ môn, Giám đốc trung tâm trực thuộc và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*ggh*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Bộ Tư pháp (để b/c);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để chỉ đạo t/h);
- Website Trường;
- Lưu: VT, ĐT.





CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH LUẬT
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2373/QĐ-ĐHLHN ngày 29 tháng 9 năm 2014
của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)*

PHẦN MỘT
MỤC TIÊU, THỜI GIẠN THỰC HIỆN VÀ CẤU TRÚC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

Mục tiêu của Chương trình đào tạo chất lượng cao (ĐTCLC) ngành luật nhằm đào tạo nguồn nhân lực pháp lý có tính cạnh tranh cao trên thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập kinh tế khu vực và thế giới. Chương trình ĐTCLC được ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, đội ngũ giảng viên giỏi và áp dụng phương pháp dạy - học tiên tiến nhằm phát hiện, đào tạo những sinh viên giỏi, sinh viên xuất sắc để từng bước đạt chuẩn chất lượng của các đại học hàng đầu trong nước cũng như trong khu vực.

Sinh viên tốt nghiệp Chương trình ĐTCLC ngành luật đáp ứng các yêu cầu:

- Có kiến thức cơ bản vững vàng, trình độ chuyên môn giỏi và năng lực sáng tạo cao;
- Có năng lực dẫn dắt, chủ trì và làm việc nhóm; có khả năng thích nghi cao với môi trường công tác;
- Có trình độ tiếng Anh tốt về cả bốn kỹ năng: đọc, viết, nghe, nói; Có thể hiểu ý chính của một văn bản phức tạp về các chủ đề cụ thể và trừu tượng, kể cả những trao đổi thuộc lĩnh vực luật học. Có thể giao tiếp ở mức độ trôi chảy, tự nhiên với người bản ngữ. Có thể viết được các văn bản rõ ràng, chi tiết với nhiều chủ đề khác nhau và có thể giải thích quan điểm của mình về một vấn đề, nêu ra được những ưu điểm, nhược điểm của các phương án lựa chọn khác nhau;

- Có kiến thức tin học ở mức độ nâng cao theo tiêu chuẩn quốc tế MOS (Microsoft Office Standard) phục vụ cho công việc, học tập và nghiên cứu khoa học.

II. THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Thời gian đào tạo: 4 năm

2. Khối lượng kiến thức đào tạo toàn khoá học: 126 tín chỉ (chưa tính phần nội dung Giáo dục quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất), trong đó:

- Khối kiến thức giáo dục đại cương: **29 tín chỉ** (25 tín chỉ bắt buộc và 04 tín chỉ tự chọn);

- Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **87 tín chỉ** (63 tín chỉ bắt buộc và 24 tín chỉ tự chọn);

- Hoàn thành khoá luận hoặc chọn học và thi các môn học khác thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: **10 tín chỉ**.

PHẦN HAI

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH LUẬT

A. NỘI DUNG TỔNG THỂ (TỔNG SỐ 126 TC)

I. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 29 tín chỉ

(chưa tính Giáo dục quốc phòng - An ninh và Giáo dục thể chất)

1.1. PHẦN BẮT BUỘC CHUNG: 25 tín chỉ.

STT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
1	CLC.ĐB01	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	
2	CLC.ĐB02	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	
3	CLC.ĐB03	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
4	CLC.ĐB04	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	
5	CLC.ĐB05	Nghề luật và phương pháp học luật	2	
6	CLC.ĐB06	Tiếng Anh nâng cao	3	
7	CLC.ĐB07	Tiếng Anh pháp lý 1	3	
8	CLC.ĐB08	Tiếng Anh pháp lý 2	4	
9	CLC.ĐB09	Tin học	3	

1.2. PHẦN TỰ CHỌN: Chọn 4 tín chỉ, gồm các môn học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, nhân văn, cơ sở khối ngành (*).

STT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
1	CLC.ĐC01	Kinh tế vĩ mô	2	
2	CLC.ĐC02	Quan hệ kinh tế quốc tế	2	
3	CLC.ĐC03	Lịch sử văn minh thế giới *	2	
4	CLC.ĐC04	Đại cương văn hóa Việt Nam *	2	
5	CLC.ĐC05	Tâm lý đại cương *	2	
6	CLC.ĐC06	Logic học *	2	
7	CLC.ĐC07	Xã hội học pháp luật	2	

II. KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 97 tín chỉ

2.1. PHẦN BẮT BUỘC: 67 tín chỉ, gồm các môn học thuộc khối kiến thức cơ sở ngành (*) và kiến thức ngành; Thực tập nghề

STT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
1	CLC.CB01	Lý luận nhà nước và pháp luật (*)	4	
2	CLC.CB02	Luật hiến pháp (*)	4	
3	CLC.CB03	Xây dựng văn bản pháp luật (*)	3	CLC.CB01 CLC.CB02
4	CLC.CB04	Luật hành chính	4	CLC.CB01 CLC.CB02
5	CLC.CB05	Luật hình sự 1	3	
6	CLC.CB06	Luật hình sự 2	3	CLC.CB05
7	CLC.CB07	Luật tố tụng hình sự	3	CLC.CB05 CLC.CB06
8	CLC.CB08	Nhập môn về Luật Dân sự	2	CLC.CB02

Handwritten signature

9	CLC.CB09	Tài sản và vật quyền	2	CLC.CB08
10	CLC.CB10	Luật về nghĩa vụ và hợp đồng	3	CLC.CB08
11	CLC.CB11	Luật sở hữu trí tuệ	2	CLC.CB08
12	CLC.CB12	Luật hôn nhân và gia đình	2	CLC.CB08
13	CLC.CB13	Luật tổ tụng dân sự	3	CLC.CB09 CLC.CB10 CLC.CB11
14	CLC.CB14	Luật doanh nghiệp	3	CLC.CB08
15	CLC.CB15	Luật lao động	3	CLC.CB10
16	CLC.CB16	Luật tài chính	3	CLC.CB04
17	CLC.CB17	Luật đất đai	3	CLC.CB04 CLC.BB08
18	CLC.CB18	Public International Law (<i>Công pháp quốc tế</i>)	4	CLC.CB02
19	CLC.CB19	Private International Law (<i>Tư pháp quốc tế</i>)	4	CLC.CB08
20	CLC.CB20	Comparative Law (<i>Luật học so sánh</i>)	2	CLC.CB01 CLC.CB02
21	CLC.CB21	International Trade & Business Law (<i>Luật thương mại quốc tế</i>)	3	CLC.CB10

2.2. PHẦN TỰ CHỌN: 20 tín chỉ, gồm các môn học thuộc khối kiến thức: Cơ sở ngành, chuyên ngành và kỹ năng (riêng các môn giảng dạy bằng tiếng Anh chọn 12 tín chỉ).

2.2.1. Kiến thức chuyên ngành:

2.2.1.1. Chuyên ngành luật nhà nước và luật hành chính

STT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
1	CLC.CT01	Lịch sử nhà nước và pháp luật	2	
2	CLC.CT02	Tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân	2	CLC.CB02
3	CLC.CT03	Comparative constitution Law (<i>Luật hiến pháp nước ngoài</i>)	2	CLC.CB01
4	CLC.CT04	Luật tổ tụng hành chính	2	CLC.CB04
5	CLC.CT05	Luật sư, công chứng, chứng thực	2	CLC.CB02
6	CLC.CT06	Thanh tra, khiếu tố	2	CLC.CB04
7	CLC.CT07	Introduction to the Vietnamese legal system (<i>Giới thiệu hệ thống pháp luật Việt Nam</i>)	2	
8	CLC.CT08	Organisation and operation of the judicial organs in Vietnam (<i>Tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp ở Việt Nam</i>)	2	
9	CLC.CT09	Modern Constitutionalism (<i>Chủ nghĩa hiến pháp hiện đại</i>)	2	CLC.CB02
10	CLC.CT10	Fundamental civil rights in the modern world (<i>Quyền dân sự cơ bản của người dân trong thế giới hiện đại</i>)	2	CLC.CB02

2.2.1.2. Chuyên ngành pháp luật hình sự

STT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
1	CLC.CT11	International Criminal Law (<i>Luật hình sự quốc tế</i>)	2	CLC.CB06
2	CLC.CT12	Tổ chức tội phạm mafia	2	
3	CLC.CT13	Tội phạm học	2	
4	CLC.CT14	Khoa học điều tra tội phạm	2	CLC.CB07
5	CLC.CT15	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự	2	
6	CLC.CT16	Tâm lý học tư pháp	2	CLC.ĐC05
7	CLC.CT17	Tâm lý học tội phạm	2	CLC.ĐC05 CLC.CB06
8	CLC.CT18	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	2	CLC.CB06

2.2.1.3. Chuyên ngành pháp luật dân sự

STT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
1	CLC.CT19	Luật thừa kế	2	CLC.CB08
2	CLC.CT20	Law on Secured Transactions (<i>Pháp luật về giao dịch bảo đảm</i>)	2	
3	CLC.CT21	Pháp luật về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	2	CLC.CB10
4	CLC.CT22	Luật La Mã	2	CLC.CB13
5	CLC.CT23	Thủ tục giải quyết việc dân sự	2	
6	CLC.CT24	Luật thi hành án dân sự	3	
7	CLC.CT25	Comparative Contract Law (<i>Luật hợp đồng so sánh</i>)	2	CLC.CB10

2.2.1.4. Chuyên ngành pháp luật kinh tế

STT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
1	CLC.CT26	Luật đầu tư	2	CLC.CB10
2	CLC.CT27	Luật phá sản và giải quyết tranh chấp trong kinh doanh	2	CLC.CB14
3	CLC.CT28	Luật an sinh xã hội	2	CLC.CB15
4	CLC.CT29	Luật ngân hàng	3	CLC.CB16
5	CLC.CT30	Luật chứng khoán	2	
6	CLC.CT31	Luật kinh doanh bảo hiểm	2	
7	CLC.CT32	Luật cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	CLC.CB10 CLC.CB14
8	CLC.CT33	Luật môi trường	3	CLC.CB17
9	CLC.CT34	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	
10	CLC.CT35	Pháp luật về giải phóng mặt bằng	2	
11	CLC.CT36	Pháp luật về thương mại hàng hóa và dịch vụ	2	CLC.CB10

2.2.1.5. Chuyên ngành pháp luật quốc tế và thương mại quốc tế

STT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
1	CLC.CT37	Modern International Law of the Sea (<i>Luật biển quốc tế hiện đại</i>)	3	CLC.CB18

Chữ ký

2	CLC.CT38	Pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế về quyền con người	3	CLC.CB18
3	CLC.CT39	Pháp luật về điều ước quốc tế	2	
4	CLC.CT40	Pháp luật về đấu thầu	2	CNC.BB10
5	CLC.CT41	Luật hàng hải quốc tế	2	CLC.CB19
6	CLC.CT42	Luật vận chuyển hàng không quốc tế	2	
7	CLC.CT43	Law on Commercial Arbitration (Pháp luật về trọng tài thương mại)	3	
8	CLC.CT44	Pháp luật hải quan trong kinh doanh xuất nhập khẩu	2	
9	CLC.CT45	ASEAN Community Law (Pháp luật cộng đồng ASEAN)	3	
10	CLC.CT46	Pháp luật liên minh châu Âu	3	
11	CLC.CT47	WTO Law (Luật WTO)	2	CLC.CB18
12	CLC.CT48	International Investment Law (Luật đầu tư quốc tế)	2	CLC.CB10 CLC.CB19
13	CLC.CT49	Law on International Franchising (Luật nhượng quyền thương mại quốc tế)	2	CLC.CB10

2.2.2. Các môn kỹ năng

STT	MÃ HỌC PHẦN	HỌC PHẦN	SỐ TÍN CHỈ	HỌC PHẦN TIỀN QUYẾT
1	CLC.CT50	Kỹ năng cơ bản nghề luật	2	
2	CLC.CT51	Kỹ năng chung về tư vấn pháp luật	2	
3	CLC.CT52	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hành chính	2	CLC.CB04 CLC.CT51
4	CLC.CT53	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hình sự	2	CLC.CB06 CLC.CT51
5	CLC.CT54	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực dân sự	2	CLC.CB10 CLC.CT51
6	CLC.CT55	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình	2	CLC.CB12 CLC.CT51
7	CLC.CT56	Kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ	2	CLC.CB11 CLC.CT51
8	CLC.CT57	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực thương mại	3	CLC.CB10 CLC.CB14 CLC.CT51
9	CLC.CT58	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực lao động	3	CLC.CB15 CLC.CT51
10	CLC.CT59	Kỹ năng tư vấn pháp luật trong lĩnh vực đất đai	3	CLC.CB17 CLC.CT51
11	CLC.CT60	Kỹ năng tư vấn pháp luật thuế, tài chính doanh nghiệp	2	CLC.CB16 CLC.CT51
12	CLC.CT61	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo và thực hiện hợp đồng	3	CLC.CB10 CLC.CT51
13	CLC.CT62	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án hành chính	2	CLC.CT04 CLC.CT51
14	CLC.CT63	Kỹ năng thực hành một số hoạt động trong tổ tụng hình sự	3	CLC.CB07
15	CLC.CT64	Kỹ năng tham gia giải quyết các vụ án dân sự	3	CLC.CB13

16	CLC.CT65	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính thông dụng	2	CLC.CB04
17	CLC.CT66	Xây dựng, kiểm tra và hệ thống hóa văn bản pháp luật	2	CLC.CB03
18	CLC.CT67	Legal reasoning and writing skills (Kỹ năng lập luận và viết dành cho nghề luật)	2	CLC.CB01
19	CLC.CT68	Presentation skills for lawyer in adversarial context (Kỹ năng tranh tụng của nghề luật)	2	CLC.CT67

2.2.3. Viết Khóa luận tốt nghiệp; thực tập chuyên môn; đăng ký học và thi các học phần tự chọn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp thay cho khóa luận tốt nghiệp

2.2.3.1. Đi thực tập chuyên môn có khối lượng bằng 4 tín chỉ (tương đương 180 giờ thực tập tại cơ sở).

2.2.3.2. Viết Khóa luận tốt nghiệp: Áp dụng cho sinh viên đủ điều kiện theo quy định của Trường: 10

2.2.3.3. Sinh viên không được viết Khóa luận tốt nghiệp hoặc không có nguyện vọng viết Khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học và thi các môn thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: 10 tín chỉ



1001

1001